

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai106267827630Số tờ khai đầu tiên / 0626782763

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra1Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai8451

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCANGHPKVIMã bộ phận xử lý tờ khai00

Ngày đăng ký09/05/2024 13:42:00Ngày thay đổi đăng kýThời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã0309391503

TênCông Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thơm

Mã bưu chính(+84) 43

Địa chỉ12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Số điện thoại0908798129

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênWUXI BAOQU INTERNATIONAL TRADE CO., LTD

Mã bưu chính

Địa chỉROOM 604, FLOOR 6, UNIT 8, BUILDING A, JIAYE FORTUNE CENTER, WUXI ECONOMIC DEVELOPMENT ZONE, WUXI CITY,JIANGSU PROVINCE,CHINA.

Mã nướcCN

Người ủy thác xuất khẩu			Mã nhân viên Hải quan	
Đại lý Hải quan				
Số vận đơn			Địa điểm lưu kho	03CCS03 KHO BAI TAN VU
1 020524757410274407			Địa điểm dỡ hàng	VNHPN CANG TAN VU - HP
2			Địa điểm xếp hàng	CNSHA SHANGHAI
3			Phương tiện vận chuyển	9999 ULTIMA V.24015S
4			Ngày hàng đến	07/05/2024
5			Ký hiệu và số hiệu	
Số lượng1 PP			Ngày được phép nhập kho đầu tiên	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)2.760 KGM			Mã văn bản pháp quy khác	MO
Số lượng container1				

Số hóa đơnA - GC240408

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành28/04/2024

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnA - CIF - USD - 14.500

Tổng trị giá tính thuế364.588.000

Tổng hệ số phân bổ trị giá14.500 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu			
1 -	2 -	3 -	
4 -	5 -		
Mã phân loại khai trị giá6			
Khai trị giá tổng hợp	-	-	-
Các khoản điều chỉnh			
Phí vận chuyển	-	-	-
Phí bảo hiểm	-	-	-
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1 -	-	-	
2 -	-	-	
3 -	-	-	
4 -	-	-	
5 -	-	-	
Chi tiết khai trị giá			
02052024#& Phương thức thanh toán TT.			

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng		
1	VND	Tổng tiền thuế phải nộp		VND
2	VND	Số tiền bảo lãnh		VND
3	VND	Tỷ giá tính thuế	USD -	25.144

4	VND			-		
5	VND			-		
6	VND	Mã xác định thời hạn nộp thuế	D		Người nộp thuế	1
		Mã lý do đề nghị BP			Phân loại nộp thuế	A
		Tổng số trang của tờ khai	3		Tổng số dòng hàng của tờ khai	1

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

106267827630

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

1

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

8451

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CANGHPKVI

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

09/05/2024 13:42:00

Ngày thay đổi đăng ký

Số đính kèm khai báo điện tử

1

ETC - 722122426230

2

-

3

-

Phần ghi chú

GC240408#&08042024#&

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp	Số quản lý người sử dụng	00005
Phân loại chỉ thị của Hải quan		
Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /	
2	/ /	
3	/ /	
4	/ /	
5	/ /	
6	/ /	
7	/ /	
8	/ /	
9	/ /	
10	/ /	

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan

CCT CC HQ CK cảng HP KV I

Ngày cấp phép

09/05/2024 13:42:00

Ngày hoàn thành kiểm tra

09/05/2024 13:42:00

Phân loại thẩm tra sau thông quan

Ngày phê duyệt BP

/ /

Ngày hoàn thành kiểm tra BP

/ /

Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu

Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/ /
	2	/ /	~	/ /
	3	/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106267827630	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	A11 2 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CANGHPKVI	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8451
Ngày đăng ký	09/05/2024 13:42:00	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
		Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<01>			
Mã số hàng hóa	84518000	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi []
Mô tả hàng hóa	Máy tó xoắn, dùng Xả xoắn, rữ phẳng vải sau khi nhuộm và vắt khô, Model: HS-760D, dùng điện 3 pha 380V/50Hz, hàng mới 100%		

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	1	SET
Trị giá hóa đơn	14.500	Số lượng (2)	1	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	14.500 USD	SET
Trị giá tính thuế(S)	364.588.000 VND	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	364.588.000 - VND	SET
Thuế suất	A 0%	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB215
	Trị giá tính thuế	364.588.000 VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		VK010 SF TRONG TRUOI, CHAN NUOI,
	Số tiền miễn giảm	VND		THUY SAN NUOI TRONG, DANH BAT
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		